TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Tự sự về triết lý Phật giáo trong chiến tranh kháng chiến chống Mỹ

ISSN: 2734-9195 14:10 22/10/2025

Từ câu chuyện cởi áo lam - khoác chiến bào của Ni trưởng Diệu Thông đến hành động tự thiêu của Bồ tát Thích Quảng Đức đã cho chúng ta thấy được sự đồng lòng giữa nhân dân và tăng, ni Phật giáo trong công cuộc giải phóng miền Nam - thống nhất đất nước.

Tác giả: **Phan Duy Tân (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

I. Khái quát vấn đề và giới thuyết lý thuyết

"Đất nước tôi thon thả giọt đàn *bầu..."* (Đất nước, Tạ Hữu Yên)

Những tâm sự thầm kín của những người chiến sĩ yêu nước, những người mẹ Việt Nam anh hùng dần được lắng nghe, ghi chép và lưu danh sử sách. Trải qua 50 năm Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/04/1975 - 30/04/2025) và 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công (19/08/1945 - 19/08/1945) và Quốc khánh nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/09/1945 - 02/09/2025), dân tộc Việt Nam bước vào kỷ nguyên vươn mình cùng sự phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội. Câu chuyện về những tháng năm oằn mình dưới ách thống trị, xâm lược từ thế lực thù địch vẫn là câu chuyện nghẹn ngào, đáng tự hào của công dân Việt Nam qua những trận chiến cam go giành nền độc lập dân tộc. Xuyên suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cứu nước, thi nhân thi sĩ cùng hướng về ngọn lửa hồng toàn dân để cùng cất cao tiếng nói, góp sức mạnh vào mặt trận tư tưởng văn hóa. Chúng ta có thể tìm về những trang sách chói lọi lịch sử dân tộc, cũng có thể tri nhận những lời tự sự riêng tư của người anh hùng cách mạng. Cuộc chiến dân tộc đã đặt con người vào sự dung hòa giữa cá nhân và cộng đồng, chữ "tôi và chữ "ta",... để rồi tất cả đều phải nhìn lại bức tranh gian lao khổ nhọc của toàn dân: *"Suốt một đời ăn hạt gạo nhân dân/Lần thứ nhất nhà văn đi học cấy/Bỗng hối tiếc nghìn câu thơ*

nước chảy/Chửa "vì người" bằng một bữa cơm ăn" (Đi thực tế, Chế Lan Viên), vì những hạt gạo mà nhân dân vun trồng đến những ngọn lửa tháng ngày kháng chiến đã làm cho người người đều khao khát: *"Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ"* (Tiếng hát con tàu, Chế Lan Viên)... Nhà văn nhà thơ đã bước vào lòng dân để viết, kiếm tìm và lưu giữ hình ảnh hồn cốt dân tộc, phản ánh rõ nét những năm chiến tranh gian nan khổ cực nhưng vẫn ánh lên hình tượng cao cả và anh hùng.

Bên cạnh những hình ảnh vĩ đại của anh giải phóng quân mà nhà thơ Tố Hữu đã dày công xây dựng, chúng ta còn cần ngoảnh lại những tiếng cười man rợ đau thương vì căn bệnh Hysteria của những cô gái trong Người sót lại của rừng cười của Võ Thị Hảo, những bi kịch sang chấn tâm lý từ chiến tranh đến hậu chiến trong Nỗi buồn chiến tranh của Bảo Ninh,... Và đặc biệt, là sự góp sức, có mặt của những thiền sư, bậc tu hành trong công cuộc bảo vệ nền độc lập của Tổ Quốc.

Những nỗi đau, những sự hy sinh thầm lặng cần được lắng nghe và ghi lại lâu dài hơn, để thế hệ mai sau biết rằng để làm nên thắng lợi toàn dân, để Việt Nam có thể bước vào kỷ nguyên vươn mình, dân tộc Việt Nam đã phải chứng kiến những câu chuyện bi thương, nhiều đau xót.

Câu chuyện về sự dung hòa - kháng cự mà những vị thiền sư đã trải qua trong quá trình tu hành dưới sự áp bức, kìm kẹp của thực dân, đế quốc đã cho chúng ta biết nhiều hơn về sự ảnh hưởng của Phật giáo trong công cuộc xây dựng nền hòa bình.

(Ảnh: Internet)

Sự ảnh hưởng, vai trò của Phật giáo trong hành trình nâng đỡ con người, góp sức vào mặt trận tư tưởng và mặt trận chiến đấu là điều cần được lưu giữ, công nhận. Thơ ca thiền học, những nhân vật giác ngộ từ triều đại Lý - Trần đã trao gửi chúng ta những triết lý giản đơn của đời sống. Thông qua đó, con người biết được*: "thân như điện ảnh hữu hoàn vô"* (Thị đệ tử, Vạn Hạnh thiền sư), hình ảnh bóng chớp trong sự tồn tại giúp mỗi người thấy được sự ngắn ngủi của cuộc đời, sống biết buông bỏ và đóng góp nhiều hơn.

Hay vào thời khắc viên tịch, đã có một nhành mai vẫn ngự trị trong trái tim, hình hài của những người học trò: *"Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận/Đình tiền tạc dạ nhất chi mai"* (Cáo tật thị chúng, Mãn Giác thiền sư). Dẫu biết rằng cuộc đời nhỏ bé, nhưng chỉ cần một nhành mai còn tồn tại ở sân trước, thì vạn vật đều có thể gửi lại cho đời một mùi hương, sự sẻ chia, cống hiến. Phật giáo cho con người nhận thức được sự bé nhỏ của chúng ta trước vạn vật, cần tuân theo sự thiên biến vạn hóa của đất trời để tồn sinh: "Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo , đạo pháp tự nhiên" (Đạo đức kinh).

Đến những tháng năm kháng chiến chống đế quốc xâm lược, tư tưởng thiền học vẫn được lưu giữ qua những sáng tác của nhạc sĩ, thi nhân không xuất gia. Có thể nói, tinh thần và triết lý Thiền/Phật giáo đều có thể luân chuyển trong đời sống con người, trong cách chúng ta suy nghĩ, hít thở hay đắm chìm trong quá trình sáng tạo nghệ thuật.

Những bậc giác ngộ có thể lựa chọn thơ văn để truyền tải ý vị Thiền trong tháng ngày gian khổ của dân tộc, có lẽ chỉ cần một ánh Thiền đã giúp con người được bảo vệ bằng một chiếc "bè lau" mà xưa kia sư Giác Duyên đã cứu nàng Kiều. Hoặc rộng hơn, nhà sư có thể lựa chọn dung hòa giữa việc tu hành và kháng chiến cùng toàn dân - một lựa chọn có nhiều suy tư, nhưng đó là sự hy sinh anh dũng mà người tu hành đã gửi trao cho dân tộc. Từ dung hòa đến kháng cự: từ sự hòa lẫn giữa chùa chiền và vùng đất bão đạn mưa bom, những bậc gieo duyên tu tập vẫn là ngọn lửa rực hồng soi rọi con đường của việc truyền tải triết lý Phật, lưu giữ hình ảnh kiên cường, anh hùng dự xây Tổ quốc.

Thân thể trong quan niệm Phật học chỉ như một bóng chớp - có rồi không, nhưng qua đó, con người vẫn có thể lưu lại những nỗ lực cống hiến, sẻ chia cùng nhân dân, đất nước. Dưới góc độ Nghiên cứu Thân thể (Body Studies: The Basics) của Niall Richardson & Adam Locks, tác giả bài viết mong muốn chỉ ra khả năng tự sự, biểu đạt của thân thể trong quá trình dung hòa/kháng cự của bậc ngộ đạo trong hành trình phụng sự vì lý tưởng của dân tộc. Qua đó, chúng ta thấy được những câu chuyện ngầm ẩn về khả năng chống đối, phản kháng của Thiền sư trong việc trở thành người chiến sĩ Cách mạng.

Nghiên cứu về vấn đề Thân thể là cách để vừa đối thoại lại với Triết lý Phật giáo, vừa mở rộng khả năng triển khai nghĩa từ việc thực hành lên thân thể. Qua bài viết, tác giả lựa chọn câu chuyện của Thích nữ Diệu Thông trong việc trở thành nữ biệt động Sài Gòn và câu chuyện tự thiêu của bồ tát Thích Quảng Đức để soi chiếu góc độ thân thể trong việc dung hòa và kháng cự.

Dưới đây là những ý tưởng về thân thể dưới góc nhìn của Niall Richardson & Adam Locks:

Đầu tiên, thân thể được xem là phần sở hữu riêng biệt của con người, cũng là nơi chuyển giao giữa mình và người, nhạy cảm thương tổn hay đa dạng độc đáo. Và *"nó là vương quốc mà mỗi cá nhân sở hữu và thực thi quyền tự do của mình trên nó, nhưng lại cũng là nơi phải chịu đựng những sự trấn áp và kiềm tỏa trong suốt lịch sử văn minh của loài người."* (Nhật ký đọc sách - Body Studies: The Basics, Niall Richardson & Adam Locks, Hải Ngọc's Weblog). Vì chính sự trấn áp từ bên ngoài, thân thể trở thành vật mẫu để xác động tác động khách quan đến mỗi người. Dấu ấn thân thể chính là những lời tự sự thầm kín của một lịch sử đã trải qua. Có thể đó là lịch sử của việc chấp nhận cởi bỏ hành trình tu tập để bước vào con đường cầm súng kháng chiến, có thể đó là hành vi tự hủy thân thể để minh chứng cho việc kháng cự lại trấn áp từ bạo lực bên ngoài. Thân thể từ đó trở thành khung tham chiếu cho chúng ta khi muốn tri nhận những câu chuyện rời rạc, nhỏ lẻ từ lịch sử dân tộc. Thân thể cho phép ký ức được trình hiện, ở đó, chúng ta không thể che đậy, giấu diếm mà cần phải đối diện với sự thật.

Đồng thời, thân thể trở thành không gian quyền năng để mỗi người tự thực hành việc phản bản chất luận *(anti-essentialism)*, chúng ta có quyền từ chối cái nhìn tĩnh tại, đứng yên của thân thể. Thay vào đó, thân thể được đặt trong dòng chảy liên tục của ý niệm, ý định cá nhân. Không có bất kỳ sự gán nghĩa nào được đặt ra đối với chúng ta nếu mỗi người còn quyền tự do sở hữu một thân thể. Thân thể của một vị thiền sư có quyền được bước ra ngoài không gian chùa chiền để trở thành thân thể của một người chiến sĩ cách mạng hay không? Điều này phụ thuộc vào khả năng tự lựa chọn của mỗi người. Thông qua thân thể, chúng ta có thể phát hiện được tinh thần kháng cự, lịch sử vi mô được trình hiện, toàn bộ sự trấn áp, bạo lực được công khai thông qua lời tự sự thân thể. Thay vì cố định thân thể trong một diễn ngôn: Người nữ phải trang điểm, giảm cân; người nam phải có cơ thể đạt chuẩn cơ bắp, người tu hành phải giữ thân thể thanh sạch trong toàn bộ thời gian đảo xuôi của lịch sử,... thì thân thể thông qua thực hành lựa chọn - bản thân nó đã cung cấp một khao khát tự do, chống lại quyền lực. Theo Foucault: *"Thân thể liên quan trực tiếp* đến *một trường chính trị; những mối quan hệ quyền lực có một tác động trực tiếp lên nó: chúng*

phú cho thân thể những phẩm chất, chúng đánh *dấu nó, huấn luyện nó, tra tấn nó, bắt nó phải thực thi những nhiệm vụ, thực hiện những nghi thức, truyền đi những tín hiệu"*. Tính chính trị xã hội phủ khắp lên thân thể, đại tự sự len lỏi vào ý niệm về thân thể, làm thân thể đứng im. Nhưng không vì thế mà con người chấp nhận, hiểu về thân thể, để chúng ta có thể tự do thực hành, đưa ra những lựa chọn có khả năng kháng cự lại những sự trấn áp từ quyền lực.

Song, thân thể không chỉ được trình hiện tự nó, chúng ta không thể nhìn nhận nhị nguyên giữa thân - tâm như một sự bổ đôi thế giới. Thân thể và tinh thần không đơn thuần là sự gián cách, xa lạ, mà chúng hòa lẫn vào nhau, tăng khả năng biểu đạt cho nhau và cùng nhau. Trong triết học phương Tây, kể từ Descartes, luôn xem tinh thần là những điều kết tinh bậc cao trong đời sống nội tâm con người, thân thể trở thành xiềng xích của nhục dục và bản năng nên phải bị kìm kẹp. Qua đó, chúng ta liên tục bỏ qua tính trình hiện lịch sử của thân thể, chú tâm quá nhiều vào sự cao cả mà nội tâm giải bày. Nhưng đồng thời, thân thể lại là nơi hứng chịu trực tiếp diễn ngôn xã hội, cũng là phương tiện biểu đạt trực tiếp những ý định của con người ra thế giới khách quan. Vượt ngoài sự phân biệt nhị nguyên, chúng ta sẽ có thể xác định rõ hơn vai trò, giá trị trong những lựa chọn tác động lên thân thể của con người, trong trường hợp nghiên cứu, là sự lựa chọn trở thành chiến sĩ cách mạng của Thích nữ Diệu Thông và hành động tự thiêu thân thể của Bồ tát Thích Quảng Đức.

Tóm lại, thân thể trở thành nơi chứa cho lịch sử vi mô, những lời tự sự đến từ da thịt sẽ cho chúng ta thấy rõ về tính dung hòa hoặc kháng cự mạnh mẽ đến từ bậc tu hành trong giai đoạn kháng chiến ác liệt của toàn dân tộc Việt Nam. Qua đó, chúng ta nhìn nhận sâu sắc về phương tiện biểu đạt thường xuyên bị giãn tiện, làm cho biến mất hoặc không được công nhận.

II. Dung hòa thân thể: Trường hợp của Ni trưởng Diệu Thông

Bốn mươi năm đã trôi qua, từ ngày bộ phim Biệt động Sài Gòn được ra mắt, chúng ta vẫn không thể quên ý chí sắt đá, không ngại hiểm nguy của nữ tu sĩ, chiến sĩ cách mạng - ni cô Huyền Trang. Nhưng nhân vật cũng được viết nên từ câu chuyện có thật trong quá trình hành đạo và cống hiến vì Tổ quốc của Ni trưởng Thích nữ Diệu Thông. Câu chuyện về mưa bom bão đạn đã thấm sâu vào từng chuyển động của phim, như một lần viết lại sự thật mà người con của Phật giáo đã lựa chọn trở thành anh hùng Cách mạng. Lựa chọn thân thể được diễn ra: từ nhà sư đến anh hùng biệt động, nhưng sự dung hòa giữa đạo và đời của Thích nữ Diệu Thông đã làm cho nhiều người khâm phục, thành kính và biết ơn.

(Ảnh: Internet)

Biệt động Sài Gòn là lực lượng tiên quyết và nắm giữ vị thế quan trọng trong tiến trình kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam. Những trận đánh ác liệt, quả cảm để đi sâu vào đầu não quân sự của đế quốc được tạo ra từ người lính biệt động bao phen làm kẻ thù khiếp sợ. Sự ẩn thân, thông minh đột kích được xây dựng đã giúp Biệt động Sài Gòn chiến thắng trên nhiều lĩnh vực: chính trị, vũ trang, tình báo, giao liên,... Người chiến sĩ áo lam - Ni trưởng Diệu Thông đã làm nên một phần đặc biệt cho công cuộc chiến đấu, khi tôn giáo cũng trở thành một phần sức mạnh cho toàn dân tộc. Ni trưởng Diệu Thông tên thật là Phạm Thị Bạch Liên (Bí danh là Huyền Trang) sinh năm 1931 tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, bà được lớn lên trong mái ấm có truyền thống tu học và yêu nước. Thân phụ là ông Phạm Văn Vọng, cũng là bậc xuất gia trở thành Hòa thượng Thích Giác Quang (1891- 1969). Thân mẫu là bà Tô Mỹ Ngọc, xuất gia trở thành Ni trưởng Diệu Tịnh. Vào năm 1959, Sư cô Diệu Thông trở về Miền Nam, đồng thời với khoảng thời gian này, chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành luật 10/59 “tố Cộng - diệt Cộng”, đứng trước sự tang thương của quê nhà, nhân dân khốn khổ, sư cô đã vực dậy tinh thần và đưa ra lựa chọn theo lời dạy của Hòa thượng Thích Giác Quang - thân phụ của bà: “Vô ngã không phải là thấy chuyện bất bình mà làm thinh”, vì lẽ đó, gia đình Sư cô đã lựa chọn cùng nhân dân đứng lên tham gia Đồng Khởi, giải phóng áp bức bởi đế quốc. Sau một khoảng thời gian, Ni trưởng Diệu Thông quyết tâm vào Sài Gòn tu tập và trở thành người anh hùng cách mạng vì nhân dân, vì không thể mãi “làm thinh”. Lựa chọn trở thành người anh hùng đã gửi đến hậu thế một câu chuyện rất đẹp về lối sống dung hòa giữa đạo và đời. Thân thể tại đây không bị giam hãm trong bất kỳ trang phục hay diễn ngôn nào, dù là màu áo lam nhưng vẫn có thể vì dân vì nước mà chiến đấu. Có thể đó là lựa chọn có nhiều điều phức tạp trong quá trình tu hành, nhưng xét về góc độ lợi ích, Sư cô đã đặt lợi ích dân tộc lên

trước để cùng chung tay gầy dựng nền độc lập dân tộc.

Để có thể dễ dàng hoạt động Cách mạng, Sư cô đã xây dựng ngôi chùa Bổn Nguyện ngụ tại góc đường Trần Quốc Toản và Lò Siêu thuộc Quận 11, TP. Hồ Chí Minh sau đổi tên thành chùa Tam Bảo. Ngôi chùa vừa là không gian sinh hoạt Phật pháp, giáo huấn người tu hành giữ đạo và mở rộng không gian truyền tải triết lý Thiền học đến người dân, vừa là nơi chiến sĩ tình báo Sài Gòn trú ấn - lúc bấy giờ với sự chỉ huy của ông Nguyễn Đức Hùng (bí danh Tư Chu), tư lệnh Biệt động Sài Gòn - Gia Định. Tại không gian này, hai màu áo: lam thiền và xanh lính hòa nhập làm một, sư cô còn làm nhang, đèn để duy trì kinh tế cho đội biệt động hoàn thành nhiệm vụ tình báo và trinh sát. Với ni cô Diệu Thông, cách mạng được hiểu theo cách nghĩ: "Cách mạng là cách xa cái mạng của mình, cũng có nghĩa là vô ngã". Thực hành thân thể được nới rộng đường biên, không dung chứa trong một chiếc khuôn định sẵn, lựa chọn của Ni trưởng Diệu Thông đã giúp thân thể biểu đạt nội tâm chân thật, đặc biệt về tấm lòng yêu nước của người chiến sĩ - tu sĩ vì Cách mạng. Thân thể giờ đây nằm ngoài mọi luân lý để trở nên tự do, khoáng đạt trong sự trở thành của chính mình. Điều đó đã giúp sư cô không lo sợ trước mọi khó khăn thách thức. Triết lý Phật giáo được vun mở, không giới hạn trong không gian mái chùa, mà được chuyển hóa trong chính ý niệm về Thiền học, đơn giản đó là việc phụng sự thân thể của mình cho Tổ quốc, cho sự ấm no và bình yên của nhân loại đại đồng. Câu chuyện về sự lựa chọn cho quá trình biến đổi thân thể: thực hành ăn mặc và nới rộng biên độ nghĩa cho Thiền học dưới hình hài một vị sư cô đã cho chúng ta đến gần với hình tượng của bậc cao cả:

Lạy Phật Tổ! Con xin Người chứng giám, Lòng chí thành tha thiết nguyện hôm nay Thương chúng sinh, kính đức Phật, Tổ Thầy Thì hãy gắng thượng cầu hạ hóa". (Chuyện về tiền thân đức Phật)

Thượng cầu hạ hóa, lời răn có phải đang đối thoại trực tiếp với ý nghĩ xa lánh hoàn toàn cuộc đời cõi tục chăng? Cuộc đời của Ni trưởng Diệu Thông cũng đã giúp chúng ta hiểu hơn về hành trình tu hành, không hoàn toàn xa rời trần gian, mà trải qua một quãng đường thực hành nghiệp tu, người tu sẽ lại trở về và hòa nhập với cõi trần để làm được những điều ý nghĩa cho nhân dân, chúng sinh lầm than. Có lẽ, giáo lý Phật học không chỉ nằm trên sách vở, nói như Nguyễn Du: *"Chung tri vô tự thị chân kinh" (Biết kinh không chữ mới là chân kinh)*, biết dung hòa cả chữ đạo và chữ đời để người tu thấy rõ được sự lựa chọn của mình gửi trao nhân thế. Vì lẽ đó: "trong chiếc áo nhà tu, chúng tôi là những chiến sĩ cách mạng" là câu nói của Ni sư Diệu Thông khi khoác lên mình y phục màu lam.

Câu chuyện về sự lựa chọn phụng sự cho Tổ quốc của Ni trưởng Diệu Thông đã giúp chúng ta nhìn lại sự cống hiến, chung tay của bậc thiền sư đối với công cuộc xây dựng nền độc lập dân tộc Việt Nam. Chúng ta sẽ không bao giờ quên đi những lần tổng khởi nghĩa từ những mái chùa, những vần thơ đã đi vào huyền thoại: *"Cởi áo cà sa khoác chiến bào/ Tuốt gươm, bồng súng diệt binh đao/Ra đi quyết rửa thù cứu nước/Vì nghĩa quên thân hiến máu đào."*. Sự lựa chọn vì dân tộc của Ni trưởng Diệu Thông đã tạo nên một đối thoại mới con đường thiền tập cũng như phá vỡ trật tự tưởng tượng về thân thể, những điều ấn định lên quá trình tu hành của những vị thiền sư. Tu tập không hoàn toàn đồng nghĩa với việc phũ bỏ bụi trần mà xây dựng chốn riêng để tu dưỡng, mà còn là cùng sống cùng nghĩ với chúng sinh, lắng nghe những nỗi đau từ trong cuộc chiến đầy máu lửa, để những vị sư cao cả đưa ra những lựa chọn hợp lẽ cho hành trình tìm về chân diện mục của chính mình. Và minh chứng cho công ơn hy sinh lặng thầm của tu sĩ Diệu Thông, năm 1969, Ủy ban Trung ương Mặt trận Giải phóng Miền Nam Việt Nam trao tặng ni sư Diệu Thông Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba. Năm 1985, bà được Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam tặng Huân chương Kháng chiến hạng nhất. Ngày 19/08/2011, bà được Tổng cục 2 - Bộ Quốc phòng tặng "Kỷ niệm chương Tình báo quốc phòng Việt Nam". Năm 2021, Viện Khoa học nghiên cứu nhân tài - nhân lực (Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam) tặng danh hiệu "Hiền tài nước Việt" cho bà về thành tích cống hiến lớn lao trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đất nước sẽ không bao giờ quên đi đóng góp to lớn mà những vị thiền sư đã khoác áo bào để lên đường cùng nhân dân cứu nước. Và đến tận đến thời khắc lâm chung, Ni trưởng Diệu Thông vẫn giữ khí tiết, đức hạnh của một tu sĩ và Bộ đội cụ Hồ.

III. Kháng cự thân thể: Trường hợp Bồ tát Thích Quảng Đức

Sau hiệp định Geneve về kết thúc chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương vào 21/07/1954, phía chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm được Mỹ hậu thuẫn đã liên tục can thiệp và vi phạm hiệp ước Geneve nhằm chia cắt lâu dài Việt Nam. Bên cạnh sự áp bức từ những chính sách "tố Cộng - diệt Cộng", ban hành Luật 10/59 thì chính quyền này ra sức phân biệt, tẩy sạch Đạo Phật. Sự miệt thị và bắt bớ người vô tội theo đạo Phật đã diễn ra tràn lan đến mức cực độ, gây xáo động lòng dân: *"Ngô Đình Diệm lợi dụng Công giáo, gắn chiêu bài và xúi giục người Công giáo chống cộng. Bắt người Lương và Phật tử phải theo đạo Thiên Chúa, nhận rửa tội và gia nhập đạo Công giáo sẽ được ra khỏi trại giam"*. Cùng vấn đề này, cuốn Lịch sử Phật giáo xứ Huế của Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm viết: *"Đối với dân gian từ năm 1954 đến năm 1963, chế độ Ngô Đình Diệm đã*

giết chết, bắt giam, tra tấn Phật giáo đồ; dụ dỗ cải đạo, cấm phật tử đi lễ chùa”. Lệnh xóa bỏ ngày Phật Đản vào năm 1957 đã dấy lên làn sóng thù ghét chế độ Việt Nam Cộng hòa, chống trả lại, nhân dân quần chúng cùng tăng, ni cùng kháng cự dữ dội vào Phong trào Phật giáo Việt Nam năm 1963. Chống trả với những cuộc đàn áp, khủng bố đẫm máu Phật giáo Việt Nam, t*ổng hội Phật giáo miền Trung trước và trong ngày 8/5/1963 khi đưa ra yêu cầu đòi được treo cờ Phật trong ngày Phật đản đã chủ trương sách lược đấu tranh với chính quyền Diệm theo hình thức: Bất bạo động; Phản đối chính sách bất công về tôn giáo; Không chống chính phủ; Không chống đạo Thiên Chúa; Tự do tín ngưỡng Phật giáo; Bình đẳng tôn giáo”*. Sáng ngày 8/5/1963 (ngày Phật Đản), quần chúng phật tử Huế biểu tình đòi: *“Tự do tín ngưỡng”; “Đả đảo những kẻ chống lại tôn giáo”; “Phật giáo bất diệt”*. Sau đó, chính quyền Ngô Đình Diệm đã huy động xe tăng và binh lính đến đàn áp làm 8 phật tử thiệt mạng.

Tượng đài Bồ Tát Thích Quảng Đức, ảnh chụp ngày 29/04/2015 (ảnh: Thường Nguyên)

Trong những tháng ngày cùng cực ấy, ngày 11/6/1963, tại các ngã tư đường Lê Văn Duyệt, Phan Đình Phùng, Sài Gòn đúng 10 giờ sáng, thiền sư Thích Quảng Đức đã ngồi xuống trong tư thế kiết già, lấy xăng dầu đổ lên áo cà sa đang mặc và châm lửa tự thiêu. Đại Đức Thích Chơn Ngữ, người tưới xăng lên đầu và thân mình Hòa thượng Thích Quảng Đức tả lại: “*Tay trái tôi xách thùng xăng, tay mặt tôi dìu Ngài bước ra xe và mời Ngài ngồi xuống. Ngài ngồi “Kiết Già” tay mặt đặt lên tay trái. Tôi cầm thùng xăng đáng lẽ tưới lên vai Ngài, nhưng vì hốt hoảng lo sợ mật vụ tới nên đã đổ xăng từ đầu Ngài trở xuống. Ngài mở hộp diêm rút 5, 6*

que rồi quẹt mạnh. Lửa tức tốc bừng cháy đốt *ngay thân xác Ngài như một pho tượng trong khi các tăng ni quỳ xuống vừa khóc vừa niệm: A Di Đà Phật*". Thân thể vị sư trở thành ngọn đuốc rực hồng giữa lòng Sài Gòn, hành động ấy đã làm rúng động dư luận quốc tế, đánh vào sự đàn áp của chế độ tay sai Ngô Đình Diệm. Chiều hôm ấy, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã ra lệnh ngăn chặn làn sóng người người đổ về chùa Xá Lợi để cúi mình trước di thể của ngài. Hành động này đã làm ông Ngô Đình Nhu, cố vấn tối cao của Ngô Đình Diệm phải đánh tiếng lập tức để nhún nhường trước sự phẫn nộ của tăng, ni trong và ngoài nước.

Hành động tự thiêu của bồ tát Thích Quảng Đức trở thành một hành động kháng cự mạnh mẽ đối với quyền lực của chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm. Thân thể không còn là thân thể cố định, đơn điệu hay không biểu nghĩa, ngay tại khoảnh khắc ngọn lửa rực sáng, thân thể của bậc bồ tát đã trở thành không gian sở hữu cá nhân để lên tiếng cho tội ác trong hành vi của Việt Nam cộng hòa. Cuốn sách của Adam và Lock bắt đầu phần Dẫn nhập bằng một câu hỏi *"Tôi có một thân thể?",* qua hành động của thiền sư, thân thể trở về trạng thái cất tiếng, được sở hữu bởi chính bồ tát chứ không chịu sự tuân lệnh bởi bất kỳ chế độ nào. Thân thể không nằm trong khung giam cầm, mà trở thành một tiểu tự sự nhỏ bé có khả năng biểu đạt về nỗi đau, sự đàn áp mà cả một cộng đồng Phật giáo, quần chúng nhân dân đang chịu đựng. Thân thể rực sáng của bồ tát Thích Quảng Đức trở thành không gian tồn tại của lịch sử vi mô - Microhistory, nơi phản kháng lại lịch sử vĩ mô - sự đàn áp, cưỡng đoạt sự tự do thực hành tín ngưỡng của toàn bộ tăng, ni. Hành động này cho phép người xem, người đọc lại có thể hình dung những vụn vỡ của lịch sử, đồng thời đó là nỗ lực bảo lưu những hành động có khả năng biến mất, bị tẩy xóa bởi quyền lực tối cao.

Thân thể trong hành động này tạo ra một vùng xám biểu đạt nghĩa, trao truyền thông tin từ đời sống nội tâm, Nguyễn Văn Trung phức tạp hóa (problematizes) đối trọng nhị nguyên này trong tác phẩm "Ngôn ngữ & Thân xác" (1967) để thấy được thân xác là một đối tượng quan trọng cần khảo sát như tinh thần. Thân xác được khảo sát thông qua "kinh nghiệm về thân xác", thành động này là một biểu đạt nghĩa cho sự áp bức tinh thần. Có lẽ, hành vi tự hủy thể xác đã trở thành hành động phản kháng cuối cùng của cộng đồng yếu thế. Qua sự đau đớn thân thể, những cộng đồng người bị ngoại biên hóa còn được khả năng cất tiếng qua da thịt, lưu truyền những câu chuyện áp bức mà mình và cộng đồng mình đã trải qua.

Thông qua đó, thân thể con người, đã trở thành điểm hội tụ của các hệ thống giá trị đạo đức - tinh thần của con người. Nếu không có thân thể, con người không có phương tiện để thực hành các phép đạo đức – tinh thần. Hành động hy

sinh, phản kháng của thiền sư không chỉ giúp cộng đồng Phật giáo được công nhận, mà còn giúp công cuộc kháng chiến chống Mỹ và chế độ tay sai Ngô Đình Diệm được quan tâm bởi truyền thông quốc tế. Những vở kịch che đậy sẽ thất bại nếu thân thể có không gian biểu đạt và lưu trữ. Qua nghiên cứu thân thể, chúng ta thấy rõ hơn khao khát hòa bình, tự do tín ngưỡng và đời sống nhân dân được an yên của bậc bồ tát.

Trong "Lời nguyện tâm huyết", hòa thượng đã viết*: "Tôi pháp danh Thích Quảng Đức, trụ trì chùa Quan Thế Âm, Phú Nhuận, Gia Định. Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang lúc nghiêng ngửa, tôi là một tu sĩ mệnh danh là Trưởng tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo. Mong* ơn *mười phương chư Phật, chư Đại đức, Tăng Ni chứng minh cho tôi đạt thành ý nguyện sau đây: (1) Mong ơn Phật Tổ gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt nam ghi trong bản tuyên ngôn. (2) Nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt. (3) Mong nhờ hồng ân đức Phật gia hộ cho chư Đại đức, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi nạn khủng bố, bắt bớ, giam cầm của kẻ ác gian. (4) Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc... Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho Tổng thống Ngô* Đình *Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với Quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở. Tôi thiết tha kêu gọi chư Đại đức, Tăng Ni, Phật tử nên đoàn kết nhất trí để bảo toàn Phật pháp"*. Những ước nguyện ấy đã được nhìn nhận rõ ràng hơn thông qua hành vi tự hủy - một nghịch lý giữa sự sống và cái chết - một thân thể tan biến đi nhưng hàng ngàn thân thể khác được quyền cất tiếng, sống sót trong thời khắc khắc đau thương của dân tộc. Chứng kiến câu chuyện này, chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những vần thơ để khắc tạc: *"Vị pháp thiêu thân, vạn cổ hùng uy thiên nhật nguyệt/ Lưu danh bất hủ, bách niên chính khí địa sơn hà"*. Từ Huế, khi nghe Bồ tát tự thiêu, Sư bà Diệu Không đã khóc thương*: "Thầy ơi! Con biết tính sao đây/ Lễ kính lòng đau trước thánh thây/ Lửa dậy lưng trời, thân chẳng động/ Dầu loang khắp đất, ý không lay/ Tiêu diêu cõi Tịnh, Thầy theo Phật/ Lận đận trần lao con nhớ Thầy/ Phật tử Việt Nam còn nhớ mãi/ Nét son lịch sử vẫn không phai".*

IV. Lời kết

Từ câu chuyện cởi áo lam - khoác chiến bào của Ni trưởng Diệu Thông đến hành động tự thiêu của Bồ tát Thích Quảng Đức đã cho chúng ta thấy được sự đồng lòng giữa nhân dân và tăng, ni Phật giáo trong công cuộc giải phóng miền Nam

- thống nhất đất nước. Trải qua 80 năm lễ Quốc khánh nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cách mạng Tháng Tám thành công, 50 năm giành lại được nền độc lập toàn dân tộc, thế hệ phía sau mới thấm thía được những câu chuyện hy sinh anh dũng từ những người hùng cách mạng đến những vị thiền sư cao cả.

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng phát biểu chúc mừng thành công của Hội nghị thống nhất Phật giáo Việt Nam vào ngày 8-11-1981, *"Đối với Việt Nam, nói đến tôn giáo là người ta nghĩ ngay đến đạo Phật,* đến những việc làm quý báu, đẹp đẽ của đông đảo Tăng *Ni và Phật tử. Đạo Phật ở Việt Nam* đã mang *màu sắc dân tộc Việt Nam rõ rệt. Có thể nói rằng Phật giáo Việt Nam đã góp phần làm sáng ngời lý tưởng của dân tộc và trưởng thành cùng dân tộc. Chưa bao giờ dân tộc ta lại vững mạnh như ngày nay, sức mạnh do bản thân, do tư tưởng, trí tuệ, do bản lĩnh, bản sắc của mình; sức mạnh ấy là sức mạnh của các tầng lớp nhân dân, trong đó có Tăng Ni, Phật tử".*

Những tháng ngày gian nan khổ cực ấy đã giúp mỗi người nhìn thấy được những điều được kết tinh, bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, thế hệ trẻ cần hiểu hơn về sự đoàn kết gắn bó của thế hệ cha ông và tín ngưỡng Phật giáo trong Cách mạng Việt Nam để có được lòng vững tin vào những hành động, con đường mà bản thân đã chọn.

Kết lời, người viết xin mượn ý văn của Johann Wolfgang von Goethe: "Mọi lý thuyết chỉ là màu xám. Chỉ cây đời mãi mãi xanh tươi".

Tác giả: **Phan Duy Tân**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

***

Chú thích:

1) Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo:

1] Body Studies: The Basics) của Niall Richardson & Adam Locks

2] Nhật ký đọc sách - Body Studies: The Basics, Niall Richardson & Adam Locks, Hải Ngọc's Weblog

3] Sự kiện tự thiêu của Bồ-tát Quảng Đức qua tư liệu báo chí Phật giáo, Giác Ngộ online.

4] Chuyện đời thực của ni cô Huyền Trang trong phim “Biệt động Sài Gòn”, Cần Thơ online